HUYỆN TRÀNG ĐỊNH - TỈNH LẠNG SƠN

QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ TRI PHƯƠNG, HUYỆN TRÀNG ĐỊNH,TỈNH LẠNG SƠN GIAI ĐOẠN 2021-2030

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG, HẠ TẦNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ XÃ TRI PHƯƠNG TRONG HUYỆN TRÀNG ĐỊNH

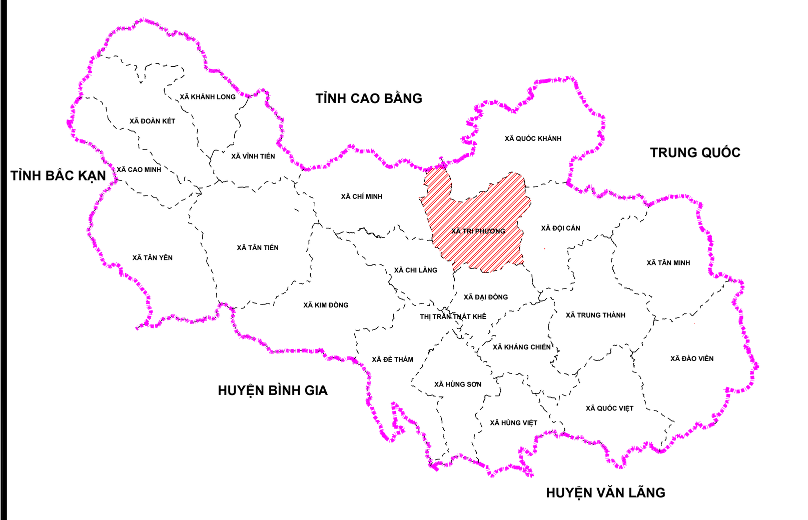

BIỂU HIỆN TRẠNG VÀ QUY HOẠCH HỆ THỐNG GIAO THÔNG ĐẾN NĂM 2030 XÃ TRI PHƯƠNG - HUYỆN TRÀNG ĐỊNH

STT	Tên tuyến đường	Chiều dài (m)	Kết cấu hiện trạng 2022		Quy hoạch đến năm 2030				Ghi chú
			Chiều rộng nền đường (m)	Kết cấu	Nền đường (m)	Mặt đường (m)	Hành lang bảo vệ; vỉa hè (m)	Kết cấu quy hoạch	
I	Đường Quốc lộ								
1	Quốc lộ 3B	11.936	7	Nhựa	12	9	1,5 x 2	Nhựa	Đường cấp IV
2	Quốc lộ 4A	4.905	7	Nhựa	12	9	1,5 x 2	Nhựa	Đường cấp IV
II	Đường trục xã								
1	QL3B Nà Mè- Cốc Sầm - QL4A Bản Bó	5.900	3,5-6	BTXM	6	3,5	1,25 x 2	BTXM	Đường cấp A GTNT
2	QL3B Bản Ky-Pò chiêm-QL3B Hàng Deng	6.900	3,5-6	BTXM	6	3,5	1,25 x 2	BTXM	Đường cấp A GTNT
3	Đường vào thôn liên thôn	5.000	3,5-6	BTXM	6	3,5	1,25 x 2	BTXM	Đường cấp A GTNT
III	Đường trục thôn								
1	QL3B: Km112+00 (Từ QL3B: Nhà ô Dũng đến Nà Vân)	1.500	3,5	BTXM	5	3,5	0,75 x 2	BTXM	Đường cấp B GTNT
2	Đường vào thôn Lũng Slàng (Từ Mỏ đá Ô Dụ Lũng Cái đay đến Trung tâm thôn Lũng Slàng)	1.912	2,0	BTXM	5	3,5	0,75 x 2	BTXM	Đường cấp B GTNT

DANH MỤC NHU CẦU SỬ DỤNG CÁC LOẠI ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 XÃ TRI PHƯƠNG - HUYỆN TRÀNG ĐỊNH

STT	Tên dự án	Địa điểm đến cấp xã	Diện tích quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thôn	Dự kiến năm thực hiện	Vị trí trên bản đồ
1	Trụ sở công an xã Tri Phương	xã Tri Phương	0,23		0,23	Thôn Kéo Quân	2023-2025	CAN-01
2	Công trình CT/d6/Tràng Định	xã Tri Phương	30,00		30,00	Thôn Phai Sảo	2023-2025	CQP-01
3	Công trình C2 huyện Tràng Định	xã Tri Phương	15,00		15,00	Thôn Kéo Quân	2023-2025	CQP-02
4	Trụ sở UBND xã Tri Phương	xã Tri Phương	0,36		0,36	Thôn Kéo Quân	2023-2025	TSC-01
5	Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã	xã Tri Phương	0,13		0,13	Thôn Kéo Quân	2023-2025	TSC-02
6	Chuyển mục đích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện	xã Tri Phương	0,05		0,05	Thôn Phai Sảo	2023-2030	SKC-01
7	Khu du lịch sinh thái Bản Bó	xã Tri Phương	55,00	43,00	12,00	Thôn Bản Bó	2023-2025	TMD-01
8	Khu du lịch cộng đồng thôn Lũng SLàng	xã Tri Phương	30,00	28,00	2,00	Thôn Lũng SLàng	2023-2025	TMD-02
9	Khu di tích lịch sử Hang Cốc Mười	xã Tri Phương	0,25		0,25	Thôn Cốc Mười	2023-2025	DDT-01
10	Mở rộng trường THCS Tri Phương	xã Tri Phương	0,82	0,42	0,40	Thôn Kéo Quân	2023-2025	DGD-01
11	Mở rộng trường tiểu học Tri Phương	xã Tri Phương	0,69	0,49	0,20	Thôn Kéo Quân	2026-2030	DGD-02
12	Mở rộng trường tiểu học Tri Phương điểm trường Nà Pài	xã Tri Phương	0,43	0,20	0,23	Thôn Mậu Đốt	2026-2030	DGD-03
13	Mở rộng trường mầm non Phi Mỹ	xã Tri Phương	0,57	0,42	0,15	Thôn Mậu Đốt	2026-2030	DGD-04
14	Mở rộng trường mầm non, Tiểu học Tri Phương điểm trường Lũng Slàng	xã Tri Phương	0,22	0,07	0,15	Thôn Lũng SLàng	2026-2030	DGD-05
15	Mở rộng trường mầm non Tri Phương (thôn Bản Ne)	xã Tri Phương	0,56	0,28	0,28	Thôn Kéo Quân	2026-2030	DGD-06
16	Sân thể thao xã Tri Phương	xã Tri Phương	1,08		1,08	Thôn Cốc Mười	2026-2030	DTT-01
17	Trung tâm bảo trợ xã hội huyện Tràng Định	xã Tri Phương	0,50		0,50	Thôn Phai Sảo	2023-2025	DXH-01
18	Trạm TDH_VT_Tri Phương 2	xã Tri Phương	0,85		0,85	Thôn Mậu Đốt	2023-2025	DBV-01
19	Khu dân cư xã Tri Phương	xã Tri Phương	2,21		2,21	Thôn Kéo Quân	2023-2025	ONT-04
20	Đấu giá quyền sử dụng đất sân thể thao	xã Tri Phương	1,00		1,00	Thôn Phai Sảo	2023-2025	ONT-01
21	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân sang đất ở	xã Tri Phương	31,86		31,86	Các thôn	2023-2030	ONT-02
22	Đấu giá quyền sử dụng đất trạm y tế xã cũ	xã Tri Phương	0,05		0,05	Thôn Kéo Quân	2023-2030	ONT-03
23	Đấu giá quyền sử dụng đất điểm trường mầm non thôn Bản Bó	xã Tri Phương	0,03		0,03	Thôn Bản Bó	2023-2030	ONT-04
24	Nhà văn hoá Cốc Mười	xã Tri Phương	0,09		0,09	Thôn Cốc Mười	2023-2025	DSH-01
25	Nhà văn hoá thôn Kéo Quân	xã Tri Phương	0,12		0,12	Thôn Kéo Quân	2026-2030	DSH-02
26	Sân thể thao thôn Kéo Quân	xã Tri Phương	0,06		0,06	Thôn Kéo Quân	2026-2030	DTT-02
27	Mở rộng nhà văn hoá thôn Phai Sảo	xã Tri Phương	0,01		0,01	Thôn Phai Sảo	2023-2025	DSH-03
28	Nhà văn hoá thôn Bản Đoòng	xã Tri Phương	0,15		0,15	Thôn Bản Đoòng	2023-2025	DSH-04
29	Nhà văn hoá thôn Nà Vân	xã Tri Phương	0,07		0,07	Thôn Nà Vân	2023-2025	DSH-05
30	Nhà văn hoá thôn Mậu Đốt	xã Tri Phương	0,15		0,15	Thôn Mậu Đốt	2023-2025	DSH-06
31	Nhà văn hóa thôn B2	xã Tri Phương	0,07		0,07	Thôn B2	2023-2025	DSH-07
32	Nhà văn hóa thôn Lũng Slàng	xã Tri Phương	0,03		0,03	Thôn Lũng SLàng	2026-2030	DSH-08
33	Đấu giá quyền sử dụng đất điểm trường tiểu học thôn Bản Bó	xã Tri Phương	0,05		0,05	Thôn Bản Bó	2026-2030	ONT-05
34	Bãi rác xã Tri Phương	xã Tri Phương	0,20		0,20	Thôn Phai Sảo	2023-2025	DRA-01
35	Bãi tập bắn dân quân xã	xã Tri Phương	14,94		14,94	Thôn Cốc Mười	2026-2030	CQP-03
36	Điểm di tích Pác Lũng Ký Láng	xã Tri Phương	0,65		0,65	Thôn Cốc Mười	2026-2030	DDT-02
37	Điểm di tích xã Tri Phương	xã Tri Phương	1,88		1,88	Thôn Cốc Mười	2026-2030	DDT-03
38	Trạm y tế xã Tri Phương	xã Tri Phương	0,21		0,21	Thôn Kéo Quân	2023-2025	DYT-01
39	Vùng trồng cây ăn quả sạch	xã Tri Phương	2,92		2,92	Thôn Phai Sảo	2023-2030	CLN-01
40	Khu nghĩa địa của Hội Hiếu 92 thị trấn Thất Khê	xã Tri Phương	5,88		5,88	Thôn B2	2023-2025	NTD-01
41	Xây dựng nhà bia di tích và sân nhà bia	xã Tri Phương	0,07		0,07	Thôn Cốc Mười	2026-2030	DVH-01
42	Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh xã Tri Phương	xã Tri Phương	19,63		19,63	Thôn Lũng SLàng	2026-2030	SKC-02
43	Quy hoạch đất nuôi trồng thuỷ sản	xã Tri Phương	3,16		3,16	Thôn Lũng SLàng	2023-2025	NTS-01
44	Cải tạo nâng cấp đường dây 35kV từ MC 389 Thất Khê - Đông Khê đến đo đếm danh giới Lạng Sơn - Cao Bằng	Các xã: Đại Đồng, Chi Lăng, Tri Phương, Chí Minh	0,12		0,12		2023-2025	
45	Cải tạo CQT lưới điện khu vực Lũng Sảng xã Tri Phương, huyện Tràng Định	xã Tri Phương	0,04		0,04	Các thôn	2023-2025	
46	Cải tạo nâng cấp đường dây 35kV từ MC 389 Thất Khê - Đông Khê đến đo đếm danh giới Lạng Sơn - Cao Bằng	Các xã: Đại Đồng, Chi Lăng, Tri phương, Chí Minh	0,04		0,04		2023-2025	
47	Dự án cải tạo nền mặt đường và công trình đoạn Km8-Km29 và Km40-Km66 trên Quốc Lộ 4A, tỉnh Lạng Sơn (đoạn KM43+800-Km52+300)	Huyện Tràng Định	7,09	4,16	2,93		2023	
48	Dự án cải tạo nâng cấp Quốc Lộ 3B đoạn Km0+Km61 (Cửa khẩu Nà Nưa-Yên Lạc) địa phận tỉnh Lạng Sơn	Huyện Tràng Định	57,76	43,00	14,76		2026-2030	
49	Đường liên xã Bản Đòong - Đội Cấn	xã Tri Phương	0,60		0,60		2026-2030	
50	Công trình năng lượng	Các xã, thị trấn	9,76		9,76		2023-2025	
51	Công trình nước sinh hoạt tại 9 thôn	xã Tri Phương	0,90		0,90	Các thôn	2023-2030	
52	Công trình thủy lợi phục vụ sản xuất các thôn xã Tri Phương	xã Tri Phương	1,00		1,00	Các thôn	2023-2030	
53	Công trình hạ tầng bưu chính viễn thông	xã Tri Phương	0,90		0,90	Các thôn	2023-2030	
54	Công trình thoát nước khu trung tâm hành chính xã	xã Tri Phương	0,50		0,50	thôn Kéo Quân	2023-2030	
55	Quy hoạch đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Tri Phương	xã Tri Phương	5,00		5,00	Các thôn	2023-2030	

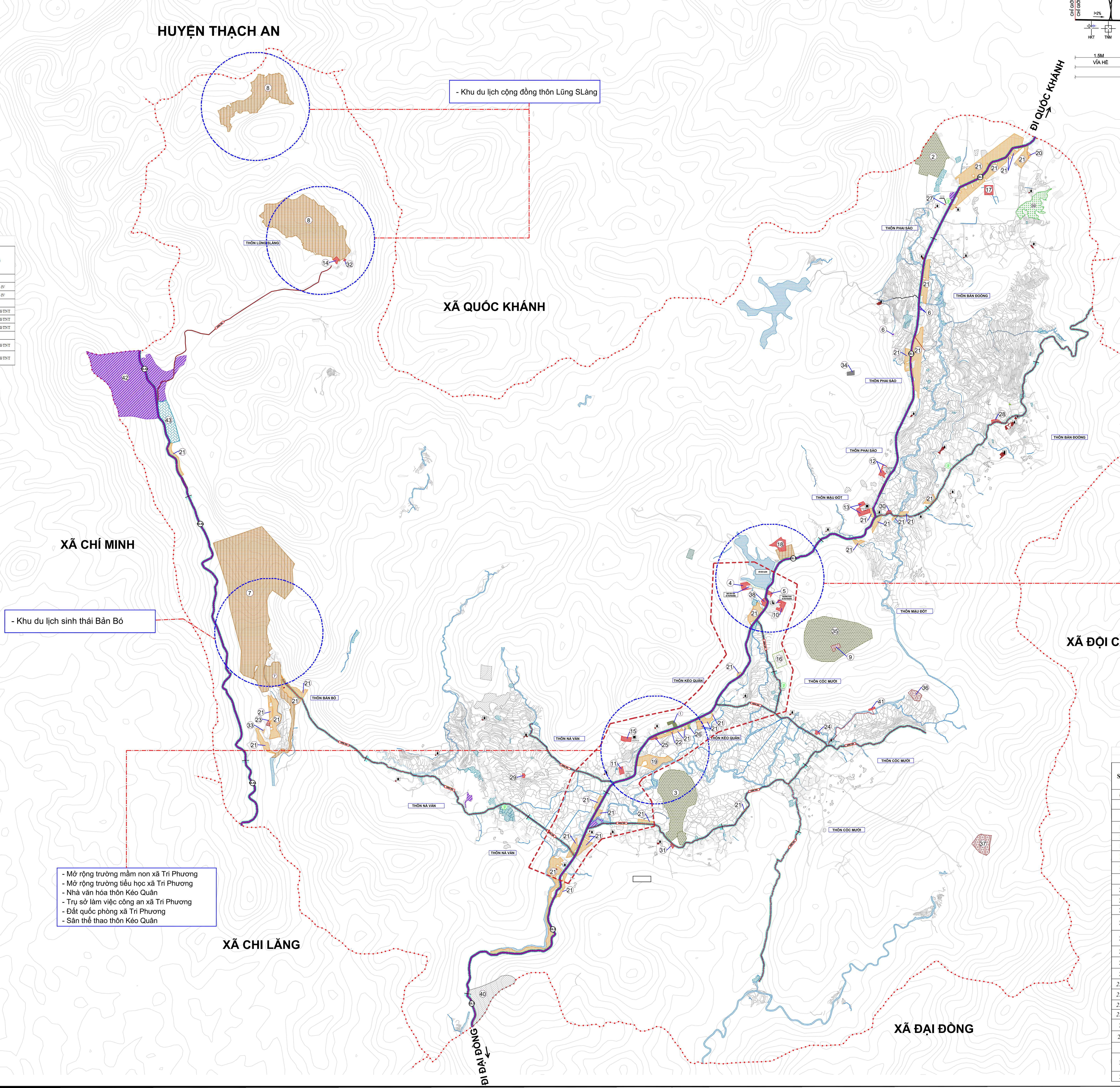

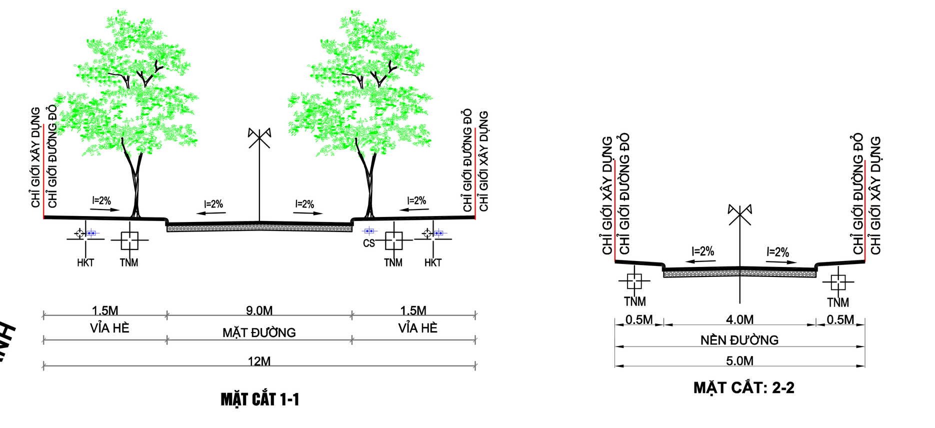

KÝ HIỆU

- Đường ống thoát nước mưa
- Đường ống thoát nước thải
- Đường ống cấp nước
- ĐƯỜNG NỘI ĐỒNG — Đường nội đồng
- ĐƯỜNG THÔN — Đường thôn
- ĐƯỜNG XÃ — Đường xã
- ĐƯỜNG QL.4A — Đường quốc lộ

Hiện trạng	Quy hoạch: Ngắn hạn	Quy hoạch: Dài hạn	Tên ký hiệu
I - ĐẤT NÔNG NGHIỆP			
			- ĐẤT TRỒNG LÚA
			- ĐẤT TRỒNG TRỌT KHÁC
			- ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT
			- ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ
			- ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG
			- ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
			- ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC
II - ĐẤT XÂY DỰNG			
			- ĐẤT Ở
			- ĐẤT CÔNG CỘNG
			- ĐẤT CÂY XANH, THỂ DỤC THỂ THAO
			- ĐẤT TÔN GIÁO, DANH LAM, DI TÍCH, ĐÌNH ĐỀN
			- ĐẤT CÔNG NGHIỆP, TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP VÀ LÀNG NGHỀ
			- ĐẤT KHOÁNG SẢN VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG
			- ĐẤT XÂY DỰNG CÁC CHỨC NĂNG KHÁC
			- ĐẤT XỬ LÝ CHẤT THẢI
			- ĐẤT NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA
			- ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC
			- ĐẤT HẠ TẦNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT
			- ĐẤT QUỐC PHÒNG, AN NINH
III - ĐẤT KHÁC			
			- ĐẤT SÔNG NGÒI, KÊNH RẠCH, MẶT NƯỚC CHUYÊN DÙNG
			- ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG

KÝ HIỆU

- Nhà văn hóa, thư viện, nhà hát
- Sân thể thao
- Dịch vụ thương mại
- Trường trung học phổ thông
- Trường trung học cơ sở
- Trường tiểu học
- Trường mầm non, nhà trẻ
- Trường dạy nghề
- Bệnh viện, trạm y tế
- Tôn giáo
- Di tích
- Trạm biến áp
- Trạm bơm
- Khu công nghiệp, thủ công nghiệp
- Trụ sở Ủy ban nhân dân xã
- Ranh giới xã

QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 XÃ TRI PHƯƠNG - HUYỆN TRÀNG ĐỊNH

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Năm 2022: Diện tích (ha)	Năm 2022: Cơ cấu (%)	Năm 2030: Diện tích (ha)	Năm 2030: Cơ cấu (%)	Tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(3)
	Tổng diện tích tự nhiên	**4.614,34**	**100,00**	**4.614,34**	**100,00**	
1	**Đất nông nghiệp**	**4.216,28**	**91,37**	**4.106,99**	**89,01**	**-109,29**
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	790,90	17,14	732,12	15,87	-58,78
1.2	Đất lâm nghiệp	3.409,10	73,88	3.355,75	72,72	-53,35
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	16,22	0,35	19,06	0,41	2,84
1.4	Đất làm muối					
1.5	Đất nông nghiệp khác	0,06	0,001	0,06	0,001	
2	**Đất xây dựng**	**178,86**	**3,88**	**319,47**	**6,92**	**140,62**
2.1	Đất ở	63,60	1,38	98,60	2,14	35,00
2.2	Đất công cộng	2,59	0,06	5,99	0,13	3,40
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	1,00	0,02	1,14	0,02	0,14
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	0,73	0,02	3,51	0,08	2,78
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	4,22	0,09	23,90	0,52	19,69
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	5,15	0,11	5,15	0,11	
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	0,04	0,00	14,54	0,32	14,50
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	96,30	2,09	101,46	2,20	5,16
2.8.1	*Đất giao thông*	*86,37*	*1,87*	*84,93*	*1,84*	*-1,44*
2.8.2	*Đất xử lý chất thải rắn*			*0,20*	*0,004*	*0,20*
2.8.3	*Đất nghĩa trang, nghĩa địa*	*9,93*	*0,22*	*15,81*	*0,34*	*5,88*
2.8.4	*Đất hạ tầng kỹ thuật khác*			*0,53*	*0,01*	*0,53*
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	5,23	0,11	5,01	0,11	-0,22
2.10	Đất quốc phòng, an ninh			60,17	1,30	60,17
3	**Đất khác**	**219,20**	**4,75**	**187,87**	**4,07**	**-31,33**
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	36,75	0,80	34,93	0,76	-1,82
3.2	Đất chưa sử dụng	182,45	3,95	152,94	3,31	-29,51

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH
Kèm theo Quyết định số ..../QĐ-UBND ngày..29...tháng..12...năm 20.23

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ - HẠ TẦNG HUYỆN TRÀNG ĐỊNH
Kèm theo Báo cáo thẩm định số 97/KTHT-QH ngày..27..tháng..12..năm 20.23

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRI PHƯƠNG
Kèm theo Tờ trình số: 58 /TTr-UBND ngày..15..tháng..11..năm 20.23
Nông Văn Đạt

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ TRI PHƯƠNG, HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN GIAI ĐOẠN 2021-2030

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG, HẠ TẦNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT

BẢN VẼ: QH_05	GHÉP: 2A0	TỶ LỆ: 1/10.000	NGÀY:.........202......
THỂ HIỆN / THIẾT KẾ	VŨ VĂN VIẾT		
CHỦ TRÌ / TRƯỞNG PHÒNG	NGUYỄN MINH VIỆT		
QL.KỸ THUẬT	VŨ THỊ MAI YẾN		

GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
BÙI NGỌC HÀ

CƠ QUAN TƯ VẤN:
CÔNG TY CỔ PHẦN TRẮC ĐỊA VÀ MÔI TRƯỜNG HOÀNG ANH
ĐỊA CHỈ: Đội 8, thôn Trinh Tiết, xã Đại Hưng, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội
SĐT: 02433171199